TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 461/2023/DS-PT
Ngày: 22-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thu;

Ông Nguyễn Phước Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long AnoaòaHoa2 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 651/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Nam A, sinh năm 1985. Địa chỉ: số N, đường H, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nam A1 là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số C, C/c D, Phường A, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy ủy quyền ngày 13/6/2023 (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nam A1 là ông Nguyễn Phước Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy ủy quyền ngày 04/12/2023 (Vắng mặt).

- *Bị đơn*:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1974.

2/ Ông Lê Tấn Đ1, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Số H, đường N, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Ngọc Á, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai, theo giấy ủy quyền ngày 28/4/2022 (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: ông Lương Trịnh Minh H1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số I, đường N, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1 là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số C, C/c D, Phường A, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy ủy quyền ngày 13/6/2023 (Có mặt).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Võ Thị Nam A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Trịnh Minh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình tham gia tố tụn tại cấp sơi thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T *trình bày*:

Bà Nam A1 xác định bà và vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Lê Tấn Đ1 có quan hệ vay mượn tiền từ năm 2016. Bà đã nhiều lần cho bà H, ông Đ1 mượn số tiền khoảng 2.600.000.000 đồng. Căn cứ vào:

+ Nhận định của Bản án phúc thẩm số 189/2021/DS-PT ngày 02/6/2021 như sau: "Bà H thừa nhận trực tiếp vay tiền của bà Nam A1 nhiều lần không trả nổi nợ chồng nợ (bút lục số 156, 162, 166, 168). Tại biên bản đối chất ngày 22/10/2020 (bút lục 166) bà Nam A1 đã xác định bà sử dụng 02 số điện thoại gồm 0901205339 (sử dụng zalo tên Nam A1) và 0914268339 (không nhớ trước đây có sử dụng đăng nhập zalo hay không còn hiện tại thì không), bà H xác định sử dụng số điện thoại 0946639929 (sử dụng đăng nhập tài khoản zalo tên T1). Tại công văn số 581/2020/CV-VNG ngày 05/11/2020 của công ty cổ phần V (là công ty quản lý, lưu trữ dữ liệu tài khoản zalo) đã xác định số 0914268339 là tài khoản "Nam Anh", số 0901205339 tài khoản "Nam Anh", số 0946639929 là tài khoản "T1", công ty V có cung cấp giao diện hình nền của tài khoản "Nam Anh" và "T1". Quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm bà H cung cấp tin nhắn qua lại qua zalo giữa bà H và bà Nam A1 được văn phòng thừa phát lại quận B lập vi bằng số 688/2020/VB-TPL ngày 03/12/2020. Nội dung tin nhắn thể hiện bà H nhiều lần vay tiền của bà Nam A1, tính đến ngày 14/3/2020 bà H còn nợ bà Nam A1 1.533.000.000 đồng (bút lục 60, 61). Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 04/5/2021 người đại diện theo ủy quyền của ông Đ1 và bà H trình bày từ năm 2016 đến năm 2020 bà H nhiều lần vay tiền của bà Nam A1, tổng số tiền vay là 2.600.000.000 đồng nhưng bà H đã trả hết nợ gốc chỉ còn lại 1.533.000.000 đồng là tiền lãi cộng dồn. Tuy nhiên người đại diện của bà H và ông Đ1 không cung cấp được chứng cứ để xác định tiền gốc vay và tiền lãi các bên đã thỏa thuận. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nam A1 trình bày số tiền 1.533.000.000 đồng cho bà H vay là tài sản chung của bà và ông H1 nên bà Nam A1 yêu cầu bà H và ông Đ1 trả cho vợ chồng số tiền vay 1.533.000.000 đồng và tiền lãi 171.612.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 1.704.612.000 đồng. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm bà Nam A1 xác định số tiền ông H1 cho bà H vay là tài sản cá nhân ông H1, không liên quan đến bà Nam A1 và bà Nam A1 không có yêu cầu gì trong vụ án này nên bà Nam A1 và đại diện Viện kiểm sát cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn bà Nam A1 có yêu cầu độc lập là

không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nam A1 yêu cầu bà H và ông Đ1 phải trả cho vợ chồng bà số tiền vay 1.533.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu này của bà Nam A1 chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét. Bà Nam A1 được quyền khởi kiện yêu cầu bà H và ông Đ1 trả số tiền 1.533.000.000 đồng bằng một vụ kiện khác theo quy định của pháp luật".

+ Bản tự khai của bà Nguyễn Thị Ngọc H ngày 24/8/2020 (Bút lục số 156) bà H thừa nhận nợ bà Nam A1 số tiền 1.533.000.000 đồng cũng như các biên bản đối chất, biên bản hòa giải (Bút lục số 162, 166, 168).

+ Lời thừa nhận của người đại diện theo ủy quyền cho bà H tại phiên tòa phúc thẩm xác nhận: "Bà H mượn tiền của bà Nam A1 nhiều lần với tổng số tiền là 2.600.000.000 đồng".

Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

"1. Những tình tiết, sự kiện sau đây không phải chứng minh:

b) Những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật;

2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết sự kiện tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.

3. Đương sự có người đại diện tham gia tố tụng thì sự thừa nhận của người đại diện được coi là sự thừa nhận của đương sự nếu không vượt quá phạm vi đại diện."

Do đó việc bà Nam A1 cho bà H mượn số tiền 1.533.000.000 đồng cũng như nghĩa vụ trả nợ của bà H là đúng quy định của pháp luật và không phải chứng minh. Từ những căn cứ trên nên bà Nam A1 khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét các yêu cầu như sau:

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lê Tấn Đ1 trả số tiền nợ vay 1.533.000.000 đồng cho bà Nam A1.

- Yêu cầu tính lãi suất là 1,5%/tháng đối với số tiền vay 1.533.000.000 đồng từ ngày 24/8/2020 (ngày bà H làm bản tự khai xác nhận số nợ trên) đến ngày có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tạm tính đến ngày 24/3/2022 là 1.533.000.000đồng x 1,5%/tháng x 19 tháng = 436.905.000 đồng.

Tổng cộng tiền nợ và lãi vay (tạm tính đến ngày 24/3/2022) là 1.533.000.000đồng + 436.905.000đồng = 1.969.905.000 đồng. Đề nghị Tòa án buộc tuyên trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Trọng đại d bà Nam A1 xác định lại yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà H, ông Đ1 trả số tiền gốc vay là 1.533.000.000 đồng và tiền lãi tính tới ngày xét xử là 778.680.000 đồng, tổng cộng là 2.311.680.000 đồng. Yêu cầu bà H, và ông Đ1 phải trả cho bà Nam A1 và ông H1 số tiền trên.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà H*, ông* Đ1*, ông* Vũ Ngọc Á *trình bày:*

Bà H, ông Đ1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Nam A về việc yêu cầu ông Đ1, bà H trả cho bà Nam A1 số tiền 1.533.000.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh tạm tính là 436.905.000 đồng vì ông Đ1, bà H không có vay số tiền này.

Ông Á xác định: số tiền 1.533.000.000 đồng này thực chất là tiền lãi của tiền lãi của các khoản vay trước đây giữa vợ chồng bà H, ông Đ1 với vợ chồng bà Nam A1. Hiện các khoản gốc vay đã tất toán xong, số tiền này là do ông H1, bà Nam A1 cho vay với lãi suất là 9%/tháng hình thành nên, nên sau khi tất toán xong tiền gốc thì các bên mới thỏa thuận lại là bà H còn nợ lại bà Nam A1, ông H1 số tiền này với điều kiện là phải ủy quyền thế chấp Ngân hàng K. Do sau khi suy tính lại, bà H, ông Đ1 nhận thấy thỏa thuận này quá mạo hiểm nên đã không tiếp tục thực hiện thỏa thuận chứ đây thực chất không phải là tiền bà H vay ông H1 hay bà Nam A1.

Trước đây, ông Lương Trịnh Minh H1 là chồng của bà Võ Thị Nam A đã khởi kiện yêu cầu ông Đ1 và bà H trả cho ông H1 số tiền 1.533.000.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh và đã bị Tòa án tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện theo quyết định tại Bản án phúc thẩm số 189/2021/DS-PT ngày 02/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, đây cũng chính là khoản vay mà bà Nam A1 đang khởi kiện trong vụ án này. Hiện bản án này đã có hiệu lực pháp luật nên căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 192 và điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án phải đình chỉ giải quyết vụ án này. Tuy nhiên, do bà Nam A1 luôn có hành vi đến đòi nợ làm ảnh hưởng đến công việc kinh doanh của vợ chồng ông Đ1 và bà H nên ông Đ1 và bà H thống nhất tự nguyện giao cho bà Nam A1 số tiền 700.000.000 đồng là thể hiện thiện chí với bà Nam A1 nhằm kết thúc vụ án chứ không phải là ông Đ1, bà H trả số tiền vay. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Đ1, bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 65/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Nam A về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Lê Tấn Đ1 trả cho bà số tiền vay là 1.533.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 24/3/2022 là 436.905.000 đồng, tổng cộng là 1.969.905.000 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Tấn Đ1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H giao cho bà Võ Thị Nam A và ông Lương Trịnh Minh H1 số tiền 700.000.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng: bà Võ Thị Nam A phải chịu chi phí giám định giọng nói là 3.300.000 đồng, bà Nam A1 đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Võ Thị Nam A phải chịu số tiền 71.097.150 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 35.549.000 đồng theo biên lai thu số 0001512 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An sang án phí dân sự sơ thẩm, bà Nam A1 phải nộp tiếp là 35.548.150 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án.

Ngày 04/7/2023, nguyên đơn bà Võ Thị Nam A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Trịnh Minh H1 kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Nam A.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nam A1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H1, ông Nguyễn Văn T trình bày tranh luận: Tôi cho rằng lời trình bày phía bị đơn ngày hôm nay có nhiều mâu thuẫn và nhiều dấu hiệu giả dối. Trong suốt quá trình hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận đúng là có quan hệ cho vay với số tiền khoảng 1,6 tỷ trên thực tế nhưng tại phiên xét xử ngày hôm nay thì lại không thừa nhận có quan hệ vay mượn tiền. Điều này hoàn toàn trái với những lời thừa nhận trước đây và tại phiên tòa ngày hôm nay.

Với số tiền 1 tỷ 533, tôi muốn trình bày về sự phù hợp giữa các bằng chứng, chứng cứ. Tại file ghi âm mà nguyên đơn đã cung cấp, trong những giao dịch bình thường, không ai chủ động nói rõ ràng con số 1 tỷ 533, hay là những con số lẻ cụ thể mà thường thì người ta chỉ nói là khoảng 1,5 tỷ. Trong quá trình tiến hành tố tụng trước đây, phía bị đơn luôn tìm cách chống đối, cản trở, không chịu hợp tác cung cấp chứng cứ để giám định giọng nói, chứng minh đây không phải giọng nói của ông Đ1, bà H. Việc không hợp tác này của phía bị đơn chứng tỏ họ đã mặc nhiên thừa nhận chứng cứ này, chứng minh giọng nói trong file ghi âm là của ông Đ1, bà H.

Còn Vi bằng do chính bà H lập, trong quá trình giải quyết vụ án trước đây, bà H đều thừa nhận quan hệ vay mượn tiền với bà Nam A1 và thống nhất con số nợ là 1 tỷ 533. Tại các biên bản đối chất, biên bản hòa giải trước đây, bà H đã khẳng định khoản tiền 1 tỷ 533 là khoản tiền nợ chồng nợ chứ không phải là lãi chồng lãi. Tại bản án phúc thẩm, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trước đây đều ghi nhận lời bà H thừa nhận khoản tiền 1 tỷ 533 là nợ chồng nợ. Tòa án đã ghi nhận là thực tế có con số 1 tỷ 533 này. Đây là những tình tiết không cần thiết phải chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự việc này.

Còn đối với lời trình bày của ông Á cho rằng sự việc này đã được giải quyết bằng Bản án có hiệu lực nên không thể khởi kiện lại, tôi cho rằng không hợp lý. Bởi lẽ, trước đây ông H1 cho rằng khoản tiền 1 tỷ 533 là tài sản riêng của ông H1 nên ông H1 mới tự mình đứng ra khởi kiện và Hội đồng xét xử trước đây đã bác yêu cầu của ông H1. Bà Nam A1 khiếu nại và trình bày rằng đây là tài sản chung của vợ chồng và bằng Quyết định giải quyết khiếu nại, Tòa án cho phép bà Nam A1 được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác. Cho nên việc khởi kiện của bà Nam A1 là hoàn toàn có căn cứ.

- Nguyên đơn bà Võ Thị Nam A thống nhất với phần tranh luận của người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn T, không có ý kiến bổ sung.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Vũ Ngọc Á trình bày: Vụ kiện này đã được giải quyết trước đây do ông H1 là người khởi kiện, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm đã phải đình chỉ xét xử đối với vụ án này. Dù cho trong vụ án trước đây, bà Nam A1 khiếu nại và được giải quyết là được giải quyết cho riêng bà Nam A1. Bà Nam A1 nếu có khởi kiện vụ án mới thì cũng là khởi kiện cho quyền lợi của riêng bà Nam A1. Còn trong vụ án này, ông H1 với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng thống nhất yêu cầu với bà Nam A1 thì phía bị đơn không đồng ý. Trước đây tôi đã yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án này nhưng không được chấp nhận. Hôm nay tại phiên tòa phúc thẩm, tôi đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc yêu cầu của tôi là đình chỉ giải quyết vụ án này.

Về những chứng cứ mà phía nguyên đơn đưa ra, trong Bản án trước đây đã khẳng định rằng những chứng cứ này đã bị cắt ghép, sửa đổi nên không được thừa nhận. Nguyên đơn không chịu cung cấp cho Tòa án những bằng chứng nguyên bản mà chỉ đưa những trích lược, sửa đổi không khách quan, không đảm bảo toàn bộ nội dung vụ án. Đề nghị Tòa án cân nhắc về những chứng cứ mà phía bà Nam A1 đưa ra.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nam A1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H1, ông Nguyễn Văn T tranh luận bổ sung: Bà Nam A1 khởi kiện vụ án này với lý do khoản tiền đang tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng. Về việc xác định tài sản chung hay tài sản riêng là thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên tôi không có ý kiến, nhưng Tòa án xét xử trước đây đã xác định đây là tài sản chung của ông H1 và bà Nam A1 nên bà Nam A1 mới được quyền khởi kiện bằng 1 vụ án khác, mong Hội đồng xét xử xem xét. Còn về việc xác định số tiền 1 tỷ 533 là nợ hay là lãi thì trước đây, trong lời trình bày của chính ông Á là người đại diện theo ủy quyền của bà H đã xác định đấy là nợ. Tại quá trình giải quyết vụ án trước đây, ông Á không thể cung cấp được chứng cứ chứng minh đấy là lãi và tại phiên tòa ngày hôm nay thì ông Á cũng không chứng minh được lời trình bày của mình. Bây giờ khoản tiền nợ là 1 tỷ 533 đã rõ ràng, phía nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả. Đây là tài sản chung của bà Nam A1 và ông H1, nếu không trả cho chồng thì trả cho vợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bà Nam A1 và ông H1 thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà Võ Thị Nam A, ông Lương Trịnh Minh H1 kháng cáo đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn về việc là yêu cầu bà H, ông Đ1 trả số tiền gốc vay là 1.533.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/8/2020 đến ngày 24/3/2022 với lãi suất 1,5%/tháng là 436.905.000 đồng, tổng cộng là 1.969.905.000 đồng, Xét thấy:

- Về số tiền nợ gốc: Tại hợp đồng mượn tiền ngày 15/5/2020 thể hiện bà H có mượn của ông H1 (chồng bà Nam A1) số tiền 1.533.000 đồng. Bà H thừa nhận có ký tên vào hợp đồng ngày 15/5/2020. Tại Biên bản hòa giải ngày 24/8/2020, bà H thừa nhận số tiền nợ 1.533.000.000 đồng là số tiền cấn trừ qua nhiều lần vay tiền giữa bà H với bà Nam A1 và N đã yêu cầu làm giấy nợ mới sau mỗi lần trả lãi chứ bà H không nhận tiền trực tiếp từ bà Nam A1. Tại biên bản đối chất ngày 24/8/2020, 22/10/2020, bà H xác nhận số tiền nợ 1.533.000.000 đồng bà không nhận từ ông H1 mà là trong quá trình vay mượn giữa bà H và bà Nam A1, bà H không trả nổi nên lãi chồng lên mới làm giấy nợ mới ngày 15/5/2020. Do bà H thừa nhận nợ bà Nam A1 1.533.000.000 đồng nên bà Nam A1 kháng cáo yêu cầu bà H, ông Đ1 trả cho bà 1.533.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

- Về lãi suất: Tại bản tự khai ngày 24/8/2020 của vụ án trước đó bà H thừa nhận bà đóng lãi 9%/tháng. Phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi 1,5% tháng từ 24/8/2020. Trường hợp này các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi

suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần lãi với lãi suất 0,83% tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trọng đại d cho ông H1 đồng ý buộc ông Đ1 và bà H trả nợ cho bà Nam A1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị Nam A, ông Lương Trịnh Minh H1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Võ Thị Nam A và ông Lương Trịnh Minh H1 thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Võ Thị Nam A và ông Lương Trịnh Minh H1:

Tại phiên tòa, bà Nam A1 trình bày cho rằng số tiền 1.533.000.000 đồng là tiền vay của hai khoản vay: khoản vay 1,3 tỷ của ngày 14/3/2020 và khoản vay 233.000.000 đồng của ngày 15/5/2020. Ngày 15/5/2020, bà H ký Hợp đồng mượn tiền đề ngày 15/5/2020 với nội dung mượn số tiền 1.533.000.000 đồng và thỏa thuận ký Hợp đồng ủy quyền đất cho vợ chồng bà nhưng do bà bận đi làm nên bà để chồng bà là ông Lương Trịnh Minh H1 ký hợp đồng với tư cách là người cho mượn với bà Nguyễn Thị Ngọc H. Như vậy, toàn bộ số tiền 1.533.000.000 đồng mà bà Nam A1 khởi kiện toàn bộ là tiền vay, không phải là tiền lãi.

Xét thấy, đối với Hợp đồng mượn tiền đề ngày 15/5/2020, thể hiện người cho mượn tiền là ông Lương Trịnh Minh H1 và bên mượn tiền là bà Nguyễn Thị Ngọc H. Thấy rằng, mặc dù bà H thừa nhận đã ký vào hợp đồng trên nhưng cho rằng bà không trực tiếp nhận số tiền 1.533.000.000 đồng từ bà Nam A1 cũng như ông H1 mà đây là tiền bà vay của bà Nam A1 với lãi suất 9%/tháng, cộng dồn lãi thành số tiền 1.533.000.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2020, ông Lê Văn A2 thừa nhận thời điểm ông ghi nội dung làm chứng vào Hợp đồng mượn tiền ngày 15/5/2020 là vào tháng 6/2020, sau thời điểm bà H và ông H1 giao kết hợp đồng và ông cũng thừa nhận không chứng kiến việc ông H1 giao tiền cho bà H. Hơn nữa, theo Kết luận giám định số 856/2020/KLGĐ ngày 14/9/2020 của Phòng K1 Công an tỉnh L kết luận: Chữ viết "1,5" ở dòng chữ viết bắt đầu "Khi có hợp đồng ..." và kết thúc "... tôi là 1,5% tháng" tại Hợp đồng mượn tiền ngày 15/5/2020 bị điền thêm (viết thêm", sửa chữa: Số "1" và dấu phẩy điền thêm ở trước số 5% bằng cây bút bi màu xanh khác nhau với chữ viết ban đầu; nhằm để sửa chữa từ "5% tháng" thành "1,5% tháng" nên hợp đồng trên không đảm bảo tính khách quan, chính xác. Mặt khác, Hợp đồng mượn tiền đề ngày 15/5/2020 thể hiện người cho mượn tiền là ông Lương Trịnh Minh H1 và bên mượn tiền là bà Nguyễn Thị Ngọc H nên việc nguyên đơn bà Võ Thị Nam A căn cứ vào Hợp đồng mượn tiền đề ngày 15/5/2020 để xác định ngày 14/3/2020 bà Nam A1 có cho bà H vay 1.300.000.000 đồng và ngày 15/5/2020 bà Nam A1 có cho bà H vay 233.000.000 đồng, tổng tộng 1.533.000.000 đồng là không có cơ sở.

Xét, Bản tự khai nội dung vụ việc ngày 24/8/2020, bà H trình bày: "*Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông* Lương Trịnh Minh H1*, tôi không nhận trực tiếp số tiền 1.533.000.000 đồng (một tỷ năm trăm ba mươi ba triệu đồng), không nhận*

bằng tiền mặt mà do cả một quá trình vay mượn tiền không trả nối nợ chồng nợ, khi làm giấy chồng nợ làm với bà Võ Thị Nam A*, không làm với ông* Lương Trịnh Minh H1 ...". Như vậy, Bản tự khai nội dung vụ việc ngày 24/8/2020 của bà H không có nội dung nào thể hiện bà H thừa nhận còn nợ bà Nam A1 số tiền 1.533.000.000 đồng. Mặt khác, thấy rằng tại các Biên bản đối chất ngày 24/8/2020 và ngày 20/10/2020 của bà H không có nội dung nào thể hiện bà H thừa nhận có vay và còn nợ bà Nam A1 số tiền 1.533.000.000 đồng.

Xét, nội dung tin nhắn SMS giữa bà H với vợ chồng bà Nam A1 qua số điện thoại 0946663992 của bà H, thấy rằng: mặc dù, tại phần nhận định của Bản án dân sự phúc thẩm số 189/2021/DS-PT ngày 02/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An có nhận định: "*Nội dung tin nhắn thể hiện bà* H *nhiều lần vay tiền của bà nam Anh, tính đến ngày 14/03/2020 bà* H *còn nợ bà* Nam A1 *1.533.000.000 đồng (bút lục 60, 61)*". Tuy nhiên, theo Vi bằng số 688/2020/VB-TPL ngày 03/12/2020 của Văn phòng T và nội dung tin nhắn SMS giữa bà Nam A1 (SĐT 0901 205 339) với bà H (SĐT 0946 339 929) cũng không thể hiện bất kỳ nội dung nào xác định cụ thể bà Nguyễn Thị Ngọc H còn nợ bà Võ Thị Nam A số tiền 1.533.000.000 đồng. Mặt khác, Văn bản tường thuật đoạn ghi âm đề ngày 31/5/2023 của bà Võ Thị Nam A (bút lục 70-77), bà Nam A1 cho rằng ngày 12/6/2020, vợ chồng bà có ghi âm lại cuộc đàm thoại giữa vợ chồng bà với ông Đ1 bà H: tại thời điểm 02 phút 50 giây ông Đ1 trình bày: "*bây giờ giải quyết xong phần cái này trước đi, để anh giải quyết dứt khoát 1 lần, anh đã thỏa thuận tiếp theo thế này, hợp đồng nợ em 1,5 tỷ anh đã viết ra đây rồi, theo thỏa thuận này em cứ coi nội dung đi, nếu đồng ý rồi ký*", tại thời điểm 08 phút 38 giây, bà H trình bày: "*chị hỏi, muốn làm tròn 1,5 tỷ hay 1,533 tỷ để chị ghi vô thôi*". Như vậy, nội dung cuộc đàm thoại trên diễn ra sau ngày 15/5/2020 (ngày ký Hợp đồng mượn tiền ngày 15/5/2020) và cũng không có nội dung nào thể hiện ông Đ1, bà H thừa nhận có vay và còn nợ bà Nam A1 số tiền 1.533.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, việc bà Võ Thị Nam A cho rằng từ ngày 14/3/2020 cho đến ngày 15/5/2020 bà có cho bà Nguyễn Thị Ngọc H vay tiền hai lần và hiện bà H còn nợ số tiền vay là 1.533.000.000 đồng là không có cơ sở, Tòa án sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nam A1 là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc H và ông Lê Tấn Đ1 đồng ý tự nguyện thanh toán cho bà Võ Thị Nam A và ông Lương Trịnh Minh H1 số tiền 700.000.000 đồng, đây là sự tự nguyên của bị đơn, có lợi cho nguyên đơn nên ghi nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Nam A và ông Lương Trịnh Minh H1. Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Nam A và ông Lương Trịnh Minh H1 mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Nam A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Trịnh Minh H1;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2023/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 217, Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Nam A về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H, ông Lê Tấn Đ1 trả cho bà số tiền vay là 1.533.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 24/3/2022 là 436.905.000 đồng, tổng cộng là 1.969.905.000 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Tấn Đ1 và bà Nguyễn Thị Ngọc H giao cho bà Võ Thị Nam A và ông Lương Trịnh Minh H1 số tiền 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng.

3. Về chi phí tố tụng: bà Võ Thị Nam A phải chịu chi phí giám định giọng nói là 3.300.000 đồng, bà Nam A1 đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Võ Thị Nam A phải chịu số tiền 71.097.150 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 35.549.000 đồng theo biên lai thu số 0001512 ngày 20/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An sang án phí dân sự sơ thẩm, bà Nam A1 phải nộp tiếp là 35.548.150 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Nam A và ông Lương Trịnh Minh H1 mỗi người phải nộp 300.000 đồng, tổng cộng 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 600.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0002514, 0002515 cùng ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An. Bà Nam A1 và ông H1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố Tân An;
- Chi cục THADS thành phố Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(*đã ký*)

Trần Trọng Nhân